

Số: /2022/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường,
giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
464/TTr-TNMT ngày 03 tháng 8 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2022.

Quyết định này thay thế Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Công ty TNHH MTV khai thác CTTL;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN, NC-KSTTHC;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

QUY ĐỊNH**Một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường,
giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND
ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là chủ dự án) thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là UBND tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện); trách nhiệm của các cơ quan, chủ dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, chủ dự án có hoạt động liên quan đến thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Chương II**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG; PHƯƠNG ÁN
CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN****Điều 3. Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường****1. Tiếp nhận hồ sơ**

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội (sau đây gọi là Luật Bảo vệ môi trường).

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định

Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định tổ chức khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án và tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Quá thời hạn này, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản thông báo hủy kết quả thẩm định.

c) Trường hợp không được thông qua: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định và nêu rõ lý do không thông qua.

5. Trình, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Trong thời hạn 11 (mười một) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đến cơ quan nhà nước quản lý về công trình thủy lợi (đối với dự án có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi) theo quy định tại Điều 16, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định; trường hợp không phê duyệt: UBND tỉnh ban hành văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu giáp lai vào quyển báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định kèm theo báo cáo đã đóng dấu giáp lai cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 4. Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (đối với trường hợp không thẩm định cùng báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ cấp giấy phép môi trường)

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định

Trong thời hạn 04 (bốn) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

- a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn một lần gửi chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.
- b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Trong thời hạn 13 (mười ba) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định tổ chức khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án và tổ chức thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

- a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Quá thời hạn này, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hủy kết quả thẩm định.

c) Trường hợp không được thông qua: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản thông báo và nêu rõ lý do không thông qua.

5. Trình, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Trong thời hạn 06 (sáu) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp không phê duyệt: UBND tỉnh ban hành văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu giáp lai vào phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt và gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã đóng dấu giáp lai cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Chương III GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Mục I GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 5. Cấp giấy phép môi trường (trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường

Trong thời hạn 05 (năm) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường

Trong thời hạn 09 (chín) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trường hợp không được thông qua: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản thông báo trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và nêu rõ lý do không thông qua.

5. Trình, cấp giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình cấp giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét, cấp giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp không cấp giấy phép môi trường: UBND tỉnh ban hành văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được giấy phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi giấy phép môi trường cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 6. Cấp giấy phép môi trường quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường

Trong thời hạn 02 (hai) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chính sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trường hợp không được thông qua: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và nêu rõ lý do.

5. Trình, cấp giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ

hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình cấp giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét, cấp giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định theo quy định. Trường hợp không cấp giấy phép môi trường: UBND tỉnh ban hành văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được giấy phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi giấy phép môi trường cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 7. Cấp đổi giấy phép môi trường

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Trình, cấp đổi giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 06 (sáu) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định.

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trình cấp đổi giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND tỉnh xem xét, cấp đổi giấy phép môi trường cho chủ dự án với thời hạn còn lại của giấy phép và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp không cấp đổi giấy phép môi trường: UBND tỉnh ban hành văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được giấy phép môi trường cấp đổi, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi giấy phép môi trường cấp đổi cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc).

Điều 8. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường (theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

2. Trình, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 09 (chín) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định.

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trình điều chỉnh giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho chủ dự án với thời hạn còn lại của giấy phép và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp không cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: UBND tỉnh ban hành văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được giấy phép môi trường cấp điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi giấy phép môi trường cấp điều chỉnh cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 9. Cấp lại giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường

Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chính sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trường hợp không được thông qua: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường và nêu rõ lý do.

5. Trình, cấp lại giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp lại giấy phép môi trường. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình cấp lại giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét, cấp lại giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp không cấp lại giấy phép môi trường: UBND tỉnh ban hành văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được giấy phép môi trường cấp lại, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi giấy phép môi trường cấp lại cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 10. Cấp lại giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường

Trong thời hạn 05 (năm) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường

Trong thời hạn 09 (chín) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chính sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trường hợp không được thông qua: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường và nêu rõ lý do.

5. Trình, cấp lại giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp lại giấy phép môi trường. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình cấp lại giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét, cấp lại giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp không cấp lại giấy phép môi trường: UBND tỉnh ban hành văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được giấy phép môi trường cấp lại, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi giấy phép môi trường cấp lại cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 11. Cấp lại giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường.

Trong thời hạn 02 (hai) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trường hợp không được thông qua: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường và nêu rõ lý do.

5. Trình, cấp lại giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp lại giấy phép môi trường. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình cấp lại giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét cấp lại giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp không cấp lại giấy phép môi trường: UBND tỉnh ban hành văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được giấy phép môi trường cấp lại, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi giấy phép môi trường cấp lại cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

MỤC 2

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 12. Cấp giấy phép môi trường (trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày, UBND cấp huyện tiến hành rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện thực hiện nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường

Trong thời hạn 17 (mười bảy) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, UBND cấp huyện ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: UBND cấp huyện ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy

phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

c) Trường hợp không được thông qua: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và nêu rõ lý do.

5. Cấp giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện cấp giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày cấp giấy phép môi trường, UBND cấp huyện gửi giấy phép môi trường cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện); lưu tại UBND cấp huyện 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 13. Cấp giấy phép môi trường quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày, UBND cấp huyện rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện thực hiện nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường

Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, UBND cấp huyện ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: UBND cấp huyện ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

c) Trường hợp không được thông qua: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và nêu rõ lý do.

5. Cấp giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện cấp giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày cấp giấy phép môi trường, UBND cấp huyện gửi giấy phép môi trường cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện); lưu tại UBND cấp huyện 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 14. Cấp đổi giấy phép môi trường

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Cấp đổi giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 08 (tám) ngày, UBND cấp huyện rà soát tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện cấp đổi giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định.

b) Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày cấp đổi giấy phép môi trường, UBND cấp huyện gửi giấy phép môi trường cấp đổi cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện); lưu tại UBND cấp huyện 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 15. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường (theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

2. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày, UBND cấp huyện rà soát tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho chủ dự án với thời hạn còn lại của giấy phép và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định.

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày cấp điều chỉnh giấy phép môi trường, UBND cấp huyện gửi giấy phép môi trường cấp điều chỉnh cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện); lưu tại UBND cấp huyện 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 16. Cấp lại giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường

Trong thời hạn 03 (ba) ngày, UBND cấp huyện rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện thực hiện nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường

Trong thời hạn 09 (chín) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, UBND cấp huyện ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: UBND cấp huyện ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị

cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

c) Trường hợp không được thông qua: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường và nêu rõ lý do.

5. Cấp lại giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện cấp lại giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày cấp lại giấy phép môi trường, UBND cấp huyện gửi giấy phép môi trường cấp lại cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện); lưu tại UBND cấp huyện 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 17. Cấp lại giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường

Trong thời hạn 05 (năm) ngày, UBND cấp huyện rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện thực hiện nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường

Trong thời hạn 17 (mười bảy) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn kiểm tra hoặc Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, UBND cấp huyện ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: UBND cấp huyện ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

c) Trường hợp không được thông qua: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường và nêu rõ lý do.

5. Cấp lại giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện cấp lại giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày cấp lại giấy phép môi trường, UBND cấp huyện gửi giấy phép môi trường cấp lại cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện); lưu tại UBND cấp huyện 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 18. Cấp lại giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1. Tiếp nhận hồ sơ

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kiểm tra hồ sơ, thành lập Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày, UBND cấp huyện rà soát tính hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện có văn bản hướng dẫn một lần cho chủ dự án để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện thực hiện nội dung theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường

Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, UBND cấp huyện ban hành thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án.

4. Chính sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

a) Trường hợp được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

b) Trường hợp được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: UBND cấp huyện ban hành văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định, gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

c) Trường hợp không được thông qua: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường và nêu rõ lý do.

5. Cấp lại giấy phép môi trường

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường sau chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: UBND cấp huyện cấp lại giấy phép môi trường và công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: UBND cấp huyện ban hành văn bản trả lại chủ dự án để hoàn thiện theo yêu cầu.

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày cấp lại giấy phép môi trường, UBND cấp huyện gửi giấy phép môi trường cấp lại cho chủ dự án (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện); lưu tại UBND cấp huyện 01 bộ hồ sơ gốc.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Là cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

b) Tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động tư vấn, dịch vụ môi trường, cung cấp thông tin, dữ liệu, báo cáo về môi trường, xem xét xử lý vi phạm theo quy định; định kỳ hàng năm (trước ngày 31/12) công bố công khai về chất lượng đơn vị tư vấn, dịch vụ môi trường hoạt động trên địa bàn tỉnh.

c) Tổng hợp, cập nhật thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường.

d) Chủ trì, phối hợp với các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và thực hiện quy định này. Định kỳ hàng năm (trước ngày 31/12) báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

đ) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về phạm vi được ủy quyền, định kỳ hàng năm (trước ngày 31/12) báo cáo UBND tỉnh về nội dung được ủy quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trả lời Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản về việc tham vấn ý kiến việc cấp phép xả nước thải của dự án vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 34, điểm c khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các sở, ban, ngành liên quan: Cử công chức tham gia thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. Thành viên của các sở, ban, ngành tham gia thẩm định có trách nhiệm theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 20. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Tổ chức triển khai thực hiện quy định này trên địa bàn; thực hiện cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các chủ dự án trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; xem xét, xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định.

2. Cử công chức tham gia thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định. Thành viên của UBND cấp huyện tham gia thẩm định có trách nhiệm theo quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 48 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Trả lời Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản về việc lấy ý kiến việc xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 34, điểm c khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5. Phản hồi bằng văn bản gửi chủ dự án đối với các dự án có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi hoặc có chiếm dụng công trình thủy lợi theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 21. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Phối hợp với chủ dự án thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Trả lời Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện bằng văn bản về việc lấy ý kiến việc xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 34, điểm c khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Phản hồi bằng văn bản gửi chủ dự án đối với các dự án có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi hoặc có chiếm dụng công trình thủy lợi theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 22. Trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý công trình thủy lợi, chủ dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp

1. Trả lời Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện bằng văn bản về việc lấy ý kiến theo quy định điểm d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b, khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Phối hợp với chủ dự án trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp do mình quản lý để xác định vị trí xả nước thải, chế độ xả thải, phương thức xả thải và các nội dung khác có liên quan khi hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của chủ dự án

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày quyết định này có hiệu lực được tiếp tục xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

2. Các nhiệm vụ Sở Tài nguyên và Môi trường đã được UBND tỉnh ủy quyền (thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Hội đồng thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường, Hội đồng thẩm định hoặc Đoàn thẩm định hoặc Tổ thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường) được thực hiện kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến khi có Quy định khác.

3. Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính tại quy định này không bao gồm thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của chủ dự án.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan, đơn vị, chủ dự án kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.